

# Bảng thông số sản phẩm

Thông số kỹ thuật



## Long terminal shield, ComPacT NSX400/630, pitch 45mm, IP40, 3 poles

LV432593

### Main

|                                |                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Product or component type      | Long terminal shield                                                                                                                                                                                                                              |
| Range compatibility            | ComPacT new generation ComPacT NSX400 new generation<br>ComPacT new generation ComPacT NSX630 new generation<br>ComPact ComPact NSX400<br>ComPact ComPact NSX630<br>EasyPact EasyPact CVS400<br>EasyPact EasyPact CVS630<br>PowerPact PowerPact L |
| Accessory / separate part type | Insulation accessories                                                                                                                                                                                                                            |
| Poles description              | 3P                                                                                                                                                                                                                                                |
| Quantity per set               | 1                                                                                                                                                                                                                                                 |

### Complementary

|                         |                              |
|-------------------------|------------------------------|
| Connection pitch        | 45 mm                        |
| IP degree of protection | IP40 conforming to IEC 60529 |

### Packing Units

|                              |            |
|------------------------------|------------|
| Unit Type of Package 1       | PCE        |
| Number of Units in Package 1 | 1          |
| Package 1 Height             | 10.000 cm  |
| Package 1 Width              | 11.000 cm  |
| Package 1 Length             | 17.000 cm  |
| Package 1 Weight             | 251.000 g  |
| Unit Type of Package 2       | S03        |
| Number of Units in Package 2 | 10         |
| Package 2 Height             | 30.000 cm  |
| Package 2 Width              | 30.000 cm  |
| Package 2 Length             | 40.000 cm  |
| Package 2 Weight             | 2.900 kg   |
| Unit Type of Package 3       | P12        |
| Number of Units in Package 3 | 80         |
| Package 3 Height             | 50.000 cm  |
| Package 3 Width              | 80.000 cm  |
| Package 3 Length             | 120.000 cm |

Miễn trừ trách nhiệm: Tài liệu này không nhằm thay thế và không được sử dụng để xác định tính phù hợp hoặc độ tin cậy của các sản phẩm này cho các ứng dụng người dùng cụ thể

|                  |           |
|------------------|-----------|
| Package 3 Weight | 36.056 kg |
|------------------|-----------|

## Contractual warranty

|          |           |
|----------|-----------|
| Warranty | 18 months |
|----------|-----------|

# Environmental Data

Schneider Electric nhắm đến việc đạt được vị trí Net Zero vào năm 2050 thông qua các quan hệ đối tác chuỗi cung ứng, giảm vật liệu tác động và sự tuần hoàn thông qua chiến dịch "Use Better, Use Longer, Use Again" đang diễn ra của chúng tôi để kéo dài tuổi thọ sản phẩm và khả năng tái chế.

Dữ liệu môi trường đã giải thích >

Cách chúng tôi đánh giá tính bền vững của sản phẩm >

## Ảnh hưởng môi trường

Environmental Disclosure

[Product Environmental Profile](#)



Accepted

## Use Better

### Vật liệu và Bao bì

Packaging made with recycled cardboard

No

Packaging without single use plastic

No

[EU RoHS Directive](#)

Pro-active compliance  
(Product out of EU RoHS legal scope)

REACH Regulation

[REACH Declaration](#)

China RoHS Regulation

[China RoHS declaration](#)

## Use Again

### Đóng gói lại và tái sản xuất

Circularity Profile

No need of specific recycling operations

| Halogen content performance | Product contains halogen<br>above thresholds |
|-----------------------------|----------------------------------------------|
| Take-back                   | No                                           |